

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐOAN HÙNG  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 19 tháng 11 năm 2024  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Duyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Võ

2. Ông Nguyễn Đức Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ:*  
Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C), sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hà Hữu A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu L, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

*Chị N, anh A đều vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và nội dung tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Hà Hữu A đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/3/1997 tại UBND xã Đ (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, anh A cũng đã nhiều lần uống rượu và đánh chị. Sau

mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhưng không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Từ năm 2014 đến nay, chị và anh A đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, mỗi người có cuộc sống riêng. Đến nay, chị xác định không thể kéo dài hôn nhân thêm được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài, vì vậy chị khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Hữu A.

Về con chung: Chị và anh Hà Hữu A có 02 con chung là Hà Anh T, sinh ngày 05/6/1998 và Hà Thùy L, sinh năm 19/01/2001. Hiện nay hai con chung đều đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Hà Hữu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C).

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã H, kết quả xác minh phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) về quan hệ hôn nhân, con chung, cụ thể: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) là tự nguyện và đã được UBND xã đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị N và anh A chung sống với nhau tại xã H. Năm 2013, chị N đi nước ngoài và sau khi về nước thì chị N ở tại nhà bố mẹ đẻ không chung sống cùng anh A nữa. Từ nhiều năm nay, chị N và anh A không còn sống chung với nhau tại địa phương. Hiện nay, anh Hà Hữu A vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã H chưa chuyển khẩu đi nơi nào khác còn chị N đã chuyển khẩu đến sinh sống tại thị trấn Đ. Do anh A thường xuyên vắng mặt tại địa phương và việc đi về của anh A là không cố định về thời gian nên địa phương cũng đã cử cán bộ phối hợp với Tòa án để thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Hà Hữu A theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị N đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh A không thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều

271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hà Hữu A.

Về con chung: Xác nhận, Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) và anh Hà Hữu A có hai con chung đều đã trưởng thành, chị N không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn là anh Hà Hữu A, cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định vụ án có quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt còn bị đơn là anh Hà Hữu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N và bị đơn là anh Hà Hữu A là hoàn toàn phù hợp các quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) và anh Hà Hữu A đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/3/1997 tại UBND xã Đ (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và từ nhiều năm nay chị N và anh A không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân, hôn nhân chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý. Kết quả xác minh và lời khai của nguyên đơn cho thấy giữa chị N và anh A không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm

trọng và nếu tiếp tục ràng buộc thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh A là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) xác nhận chị và anh Hà Hữu A có 02 con chung là Hà Anh T, sinh ngày 05/6/1998 và Hà Thùy L, sinh năm 19/01/2001 đều đã thành niên, chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh Hà Hữu A vắng mặt nên Tòa án không xem xét giải quyết trọng vụ án này.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) được ly hôn anh Hà Hữu A.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị C) và anh Hà Hữu A có 02 con chung là Hà Anh T, sinh ngày 05/6/1998 và Hà Thùy L, sinh năm 19/01/2001 đều đã thành niên, chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002295 ngày 20/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Hà Hữu A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Hợp Nhất;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Bùi Thị Duyên**

